

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 69/2024/QĐ-PQTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.**

Các Thẩm phán: Ông Đào Quốc Thịnh.

Bà Lưu Thị Đoan Trang.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Đức Vũ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2024, ngày 01/3/2024, ngày 03/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 176/2023/KDTM-ST ngày 22/12/2023 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 1848/2024/QĐ-MPH ngày 23/4/2024.

Người yêu cầu: **Công ty Cổ phần C2**; địa chỉ: Lô I Khu C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hữu N; địa chỉ: Lô I – 5C Khu Công nghệ cao, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền của Công ty Cổ phần C2); (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Ngọc H; địa chỉ: Lầu G, E, đường D, p. L, TP ., TP . (theo Giấy ủy quyền số 03/2024/NNG-UQ ngày 29/01/2024 của Công ty Cổ phần C2). (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn N2**; địa chỉ: Số C đường S, Quận P, Thành phố B, Thái Lan;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T; địa chỉ: G, 12 đường M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 09/01/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N2); (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị Ngọc H1; địa chỉ: G, 12 đường M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 09/01/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N2). (Có mặt)

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

NHẬN THẤY:

Theo đơn yêu cầu ngày 19/12/2023 của người yêu cầu là Công ty Cổ phần C2 trình bày như sau:

Ngày 19/12/2023, Công ty Cổ phần C2 (sau đây gọi tắt là Công ty C2) có đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài Vụ tranh chấp số 73/22 HCM ngày 23/11/2023 của Trung tâm T1 (sau đây gọi tắt là V) với những nội dung cụ thể như sau:

1. Thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên trái quy tắc tố tụng trọng tài VIAC và quy định Luật Trọng tài thương mại năm 2010:

1.1. VIAC và Hội đồng trọng tài đã vi phạm thủ tục tố tụng về thời hạn và việc tổng đạt các văn bản có liên quan cho Công ty C2:

- Tại dòng số 1 và số 2, Phán quyết 73/22, Hội đồng trọng tài ghi nhận: “Ngày 28/6/2022, V gửi Văn thư số 1180/VIAC-HCM đến Nguyên đơn, yêu cầu Nguyên đơn nộp phí trọng tài và Nguyên đơn đã nộp phí. Ngày 14/7/2022, VIAC gửi đến Bị đơn Thông báo số 1320/VIAC-HCM kèm theo Đơn khởi kiện. Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu có liên quan. Theo báo phát E, Bị đơn nhận được Thông báo và các tài liệu trên vào ngày 15/7/2022”. Từ ngày 28/6/2022 đến ngày 14/7/2022 là 16 ngày. VIAC đã không gửi tới Công ty C2 các tài liệu như Thông báo, Đơn khởi kiện, Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan theo đúng thời hạn 10 ngày như quy định tại Điều 8 Quy tắc.

- Tại dòng số B, Phán quyết 73/22 ghi nhận: “Ngày 20/4/2023, V nhận được phản hồi bổ sung đề cùng ngày của Nguyên Đ.”. Theo đó không có nội dung nào, cũng như thực tế cho thấy VIAC đã gửi Phản hồi bổ sung đề cùng ngày của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N2 (sau đây gọi tắt là Công ty N2) như được nêu tại thông báo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày VIAC nhận được theo thủ tục tố tụng nêu tại Điều 32 Luật Trọng tài thương mại và Điều 8 Quy tắc VIAC.

1.2. VIAC và Hội đồng trọng tài đã vi phạm nghiêm trọng thời hạn thủ tục trong việc chọn Trọng tài viên và từ đó làm mất quyền chọn Trọng tài viên của Công ty C2:

Công ty C2 nhận được Thông báo số 1320/VIAC-HCM vào ngày 15/7/2022, Công ty C2 đã gửi Bản tự bảo vệ ngày 10/8/2022 (dù văn bản này không đề tên thì cũng là B tự bảo vệ được gửi trong thời hạn) để phản đối thẩm quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty N2 và thẩm quyền giải quyết tranh chấp của V. Kèm theo đó, Công ty C2 đã xin trong Bản tự bảo vệ ngày 10/8/2022 “Nanogen bảo lưu tất cả quyền khiếu nại, khiếu kiện, yêu cầu được phép theo quy định pháp luật.”. Mặc dù ngày cuối thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo số 1320/VIAC-HCM là ngày 14/8/2022, Công ty C2 đã nộp sớm hơn thời hạn trên, nhưng V không có bất kỳ sự hướng dẫn, giải thích nào và ngay lập tức tước bỏ mọi quyền của Công ty C2 trong việc chọn Trọng tài viên.

1.3. VIAC và Hội đồng trọng tài làm mất quyền kiện lại của Công ty C2

Theo mục 4, thông báo số 1320/VIAC-HCM, yêu cầu: “Trong trường hợp có Đơn kiện lại, Bị Đ1 phải gửi Đơn kiện lại phải tới Trung tâm vào cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ.”.

Theo quy định Quy tắc VIAC, không có quy định nào buộc bị đơn chỉ được có duy nhất một bản tự bảo vệ. Ngoài ra, Thông báo số 1320/VIAC-HCM cũng không ghi rõ ràng, bị đơn phải nộp Đơn kiện lại, cùng thời điểm với Bản tự bảo vệ trong thời hạn được nêu tại mục 2, Thông báo số 1320/VIAC-HCM.

Ngày 29/9/2022, Hội đồng Trọng tài ra Văn thư số 1835/VIAC-HCM thông báo về các vấn đề yêu cầu nguyên đơn và bị đơn cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ trễ nhất là 17 giờ ngày 17/10/2022... Ngày 06/10/2022, N1 đã gửi Công văn số 01/061022/NNG-Neo Unicap đề ngày 06/10/2022, đề nghị hoãn phiên họp và tính lại thời hạn nộp Bản tự bảo vệ, Đơn kiện lại từ thời điểm các bên không thỏa thuận được tổ chức trọng tài cụ thể một cách hợp lệ theo Văn thư số 1689/VIAC-HCM ngày 08/09/2022 của Hội đồng trọng tài. Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài đã không giải quyết. Công ty C2 đã nộp tài liệu, chứng cứ vào ngày 17/10/2022 theo yêu cầu tại Văn thư số 1835/VIAC-HCM. Vào thời điểm nộp Bản tự bảo vệ và Đơn kiện lại, Công ty C2 mới được nhận Thông báo số 1944/VIAC-HCM về hoãn phiên họp, kèm văn bản của nguyên đơn với tiêu đề Phản hồi Văn bản ngày 06/10/2022 của bị đơn. Công ty C2 thấy rằng chỉ sau văn bản của Công ty N2, Hội đồng trọng tài mới đồng ý hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp.

2. Phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2022, Công ty N2 yêu cầu Công ty C2 thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 06/6/2022; theo Đơn bổ sung yêu cầu tính lãi thành chỉ tính lãi từ ngày 15/5/2023, Công ty N2 yêu cầu Công ty C2 thanh toán tiền lãi từ ngày 31/12/2021 đến ngày 18/5/2023; tại đoạn 95 của Phán quyết 73/22, Hội đồng Trọng tài ghi nhận và xác định rõ Công ty N2 chỉ yêu cầu Công ty C2 trả tiền lãi kể từ ngày 31/12/2023 đến ngày 25/4/2023 và không có yêu cầu đòi tiền lãi khác. Như vậy, tính đến ngày 07/11/2023, Công ty N2 chỉ yêu cầu Công ty C2 trả tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 31/12/2023 đến ngày 25/4/2023. Tuy nhiên, tại phần H (đoạn 106, 107 và 108) của Phán quyết 73/22, Hội đồng Trọng tài đã quyết định: “Bị đơn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 8,7%/năm kể từ ngay sau Phiên họp (tức từ ngày 08/11/2023) đến khi thanh toán xong khoản tiền hàng chưa thanh toán”. Đồng thời, Hội đồng trọng tài còn buộc Công ty C2 phải chịu thêm khoản tiền lãi trên khoản lãi chậm trả nếu chậm thi hành Phán quyết 73/22.

3. Phán quyết 73/22 trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam được nêu tại Bộ luật Dân sự năm 2015:

Tại đoạn 98 phần F.2 – Về tiền lãi chậm trả của Phán quyết 73/22, Hội đồng Trọng tài đã áp dụng quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005 để tính mức lãi suất chậm trả. Theo quy định trên, Hội đồng Trọng tài phải có nghĩa vụ thu thập lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán để xác định mức lãi suất chậm trả. Nhưng Hội đồng trọng tài đã viện dẫn nội dung báo cáo, tổng hợp không chính thức của Ngân hàng N3 để xác định mức lãi suất làm căn cứ tính lãi suất nợ quá hạn tại đoạn 99 phần F.2 của Phán quyết 73/22 như sau: “Thực tế, trong công bố về diễn biến lãi suất của tổ chức tín dụng đối với khách hàng tháng 9/2023, Ngân hàng N3 có nêu: “Lãi suất cho vay USD bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 4,4 – 5,5% năm đối với ngắn hạn; 5,8-7,8%/năm đối với trung và dài hạn”. Do đó, Hội đồng trọng tài có cơ sở để sử dụng mức lãi suất chậm trả đối với tiền USD là 5,8%/năm x 150% (vì nợ đã quá hạn)=8,7%/năm để tính lãi chậm trả. Vận dụng tương tự, Hội đồng trọng tài cũng sử dụng mức lãi suất này cho tiền hàng tính bằng đồng Euro.”.

Nội dung nêu trên không được Ngân hàng N3 ban hành bằng văn bản, không có dấu mộc của Ngân hàng N3, không phải do người có thẩm quyền ký ban hành, do đó, không thể được xem là văn bản quy phạm pháp luật, quyết định hành chính hoặc căn cứ hợp pháp để áp dụng giải quyết Vụ tranh chấp.

Mặt khác, theo các quy định pháp luật nêu trên, lãi suất nợ quá hạn phải là lãi suất do các ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm thanh toán (thời điểm mở phiên họp giải quyết tranh chấp).

Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài đã mặc nhiên áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng mức lãi suất viện dẫn từ thông tin tổng hợp không chính thức của Ngân hàng N3 “nhân” với 150% (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015) để xác định mức lãi suất nợ quá hạn cao nhất áp dụng tính tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của Công ty N2 là hoàn toàn trái với các quy định pháp luật nêu trên, để làm tăng lãi suất mà Công ty N2 nhận được từ Công ty C2.

Thực tế, theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN, lãi suất nợ quá hạn sẽ được tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận trong từng trường hợp và thời điểm xác định mà không có mức lãi suất cụ thể áp dụng chung như Phán quyết 73/22 đã viện dẫn và áp dụng.

Bên cạnh đó, lãi suất nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại đối với USD và EURO là khác nhau, vì vậy, tại đoạn 99 phần F.2 của Phán quyết 73/22, Hội đồng trọng tài áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn của USD để áp dụng tương tự cho EURO là hoàn toàn trái quy định của Luật Thương mại để lợi nhất có thể cho Công ty N2.

Vì vậy, Công ty C2 đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết và chấp nhận yêu cầu của Công ty C2 về việc hủy Phán quyết Trọng tài - Vụ tranh chấp số 73/22 HCM ngày 23/11/2023 của VIAC theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn N2 trình bày như sau:

1. Căn cứ yêu cầu của Nguyên đơn về “VIAC vi phạm nghiêm trọng thủ tục về thụ lý đơn khởi kiện của Nguyên đơn”.

Theo Điều 7 Quy tắc VIAC, trường hợp giải quyết tranh chấp tại trung tâm trọng tài, nguyên đơn muốn khởi kiện ra Trung tâm phải gửi Đơn khởi kiện tới Trung tâm; chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp nguyên đơn là cá nhân.

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N2 (sau đây gọi tắt là Công ty N2) có 02 đại diện pháp luật. Theo đó, Công ty N2 ra quyết định bổ nhiệm từ 02 đại diện pháp luật là ông C patamatamkul và ông C1

patamatamkul có nội dung: Ủy quyền lại cho cá nhân ông C patamatamkul là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Do đó nội dung của giấy ủy quyền hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/4/2022 của ông Chatchai P hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Như vậy, V thụ lý đơn khởi kiện ngày 17/6/2022 của Công ty N2 do ông Trần Quang T ký với tư cách đại diện theo ủy quyền là đúng với quy định tại Điều 7 Quy tắc VIAC. Đồng thời, việc VIAC chấp nhận cho Công ty N2 có Thư xác nhận ngày 09/09/2022 hoàn toàn phù hợp. Bởi lẽ, đại diện pháp luật của Công ty N2 đã ủy quyền toàn quyền, hoàn toàn biết và cho phép ông T thực hiện các nội dung ủy quyền của Công ty N2.

Do đó, VIAC thụ lý Đơn khởi kiện ngày 17/6/2023 của Công ty N2 do ông Trần Quang T ký với tư cách là đại diện theo ủy quyền là đúng với quy định tại Điều 30 Luật Trọng tài thương mại và Điều 7 Quy tắc VIAC.

2. VIAC và Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về tổng đạt các văn bản có liên quan

Bị đơn viện dẫn Điều 32 Luật Trọng tài thương mại và Điều 8 Quy tắc VIAC, thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày V nhận được đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài theo quy định tại Điều 35 Quy tắc VIAC, V phải gửi đến Công ty C2 các tài liệu nêu trên. Thực tế, ngày 28/6/2022, VIAC gửi văn bản số 1180/VIAC-HCM đến nguyên đơn, yêu cầu nguyên đơn nộp phí trọng tài. Ngày 14/7/2022, VIAC gửi đến bị đơn thông báo số 1320/VIAC-HCM, kèm theo đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan. Công ty C2 tính thời điểm từ ngày 28/6/2022 đến ngày 14/7/2022 là 16 ngày là chưa đúng với thực tế. Bởi lẽ, ngày 28/6/2022, VIAC gửi văn bản số 1180/VIAC-HCM đến nguyên đơn, yêu cầu nguyên đơn nộp phí trọng tài. Tuy nhiên, đến ngày 11/7/2022, nguyên đơn mới hoàn tất việc nộp phí trọng tài. Do đó, từ ngày 14/7/2022 đến ngày Hội đồng trọng tài tổng đạt các hồ sơ đơn khởi kiện của nguyên đơn đến bị đơn là đúng với thời hạn quy định theo Điều 32 Luật Trọng tài thương mại và Điều 8 Quy tắc VIAC.

3. VIAC và Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng về thành lập Hội đồng trọng tài, làm mất quyền chọn trọng tài viên của bị đơn

Tại quyết định thẩm quyền của Hội đồng trọng tài đã nêu rõ: Theo Điều 39 Luật Trọng tài thương mại, "thành phần Hội đồng trọng tài có thể bao gồm một hoặc nhiều Trọng tài viên theo sự thỏa thuận của các bên. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về số lượng Trọng tài viên thì Hội đồng Trọng tài bao gồm ba Trọng tài viên". Trong Vụ tranh chấp này, các bên không có thỏa thuận

về số lượng Trọng tài nên Hội đồng trọng tài bao gồm 03 Trọng tài viên. Trong Đơn khởi kiện, Nguyên đơn chọn ông Nguyễn Công P1, Trọng tài viên của V và ông Nguyễn Công P1 đã chấp nhận làm Trọng tài viên. Việc chọn ông Nguyễn Công P1 của Nguyên đơn là phù hợp với điểm e khoản 2 Điều 30 Luật Trọng tài thương mại theo đó Đơn khởi kiện có "tên, địa chỉ người được nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc đề nghị chỉ định Trọng tài viên". Ngày 14/7/2022, VIAC gửi đến bị đơn Thông báo số 1320/VIAC-HCM kèm theo Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu có liên quan. Theo báo phát E, bị đơn nhận được Thông báo và các tài liệu trên vào ngày 15/7/2022 nhưng bị đơn không tiến hành chỉ định Trọng tài viên. Trong Văn bản đề ngày 24/10/2022, nguyên đơn khẳng định "Bị Đơn đã mất quyền lựa chọn trọng tài viên". Thực tế, do bị đơn không chọn Trọng tài viên trong thời hạn quy định, nên ngày 22 tháng 8 năm 2022, Chủ tịch V đã chỉ định ông Đỗ Văn Đ2, Trọng tài viên của V, làm Trọng tài viên giải quyết Vụ tranh chấp và ông Đỗ Văn Đ2 đã chấp nhận làm Trọng tài viên. Việc Chủ tịch V chỉ định ông Đỗ Văn Đ2 làm Trọng tài viên thay cho bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 40 Luật Trọng tài thương mại theo đó "Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và yêu cầu chọn Trọng tài viên do Trung tâm trọng tài gửi đến, bị đơn phải chọn Trọng tài viên cho mình và báo cho Trung tâm trọng tài biết hoặc đề nghị Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định Trọng tài viên. Nếu bị đơn không chọn Trọng tài viên hoặc không đề nghị Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định Trọng tài viên, thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này, Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định Trọng tài viên cho bị đơn".

Trong Văn bản đề ngày 05/9/2022, bị đơn "chọn Trọng tài viên trong danh sách Trọng tài viên của V là ông Nguyễn Mạnh D". Tuy nhiên, phần trên đã cho thấy bị đơn nhận được Thông báo về việc chỉ định Trọng tài viên vào ngày 15/7/2022 nhưng đã không tiến hành chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày theo khoản 1 Điều 40 Luật Trọng tài thương mại nêu trên. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận việc lựa chọn Trọng tài viên trong Văn bản đề ngày 05/9/2022 của bị đơn. Bên cạnh đó, tại Văn thư số 251022/Nanogen-Neo Unicap đề ngày 25 tháng 10 năm 2022, bị đơn đã nêu "Nanogen tôn trọng quyết định của V về việc từ chối N1 chọn ông Nguyễn Mạnh D làm Trọng tài viên"

Ngày 26/8/2022, Trọng tài viên Nguyễn Công P1 và Trọng tài viên Đỗ Văn Đ2 đã bầu ông Vũ Ánh D1, Trọng tài viên của V, làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài giải quyết Vụ tranh chấp và ông Vũ Ánh D1 đã chấp nhận làm Chủ tịch Hội đồng trọng tài. Việc bầu Chủ tịch Hội đồng trọng tài này là phù hợp với khoản 3 Điều 40 Luật Trọng tài thương mại theo đó "trong thời hạn 15 ngày, kể

từ ngày các Trọng tài viên được các bên chọn hoặc được Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định, các Trọng tài viên này bầu một Trọng tài viên khác làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài".

Trên cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng trọng tài xác định đã được thành lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hội đồng trọng tài đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về ngôn ngữ trọng tài

Tại mục 47 của Phán quyết trọng tài thì Hội đồng trọng tài cũng đã khẳng định lần nữa rằng “ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt” đã được xác định trong quyết định thẩm quyền. Đồng thời, tại biên bản họp lần 1 các bên cũng thống nhất “ngôn ngữ trọng tài và ngôn ngữ của phán quyết trọng tài là tiếng Việt”. Căn cứ Điều 23 khoản 2 Quy tắc VIAC, Hội đồng trọng tài quyết định ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt. Đối với các tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài thì Hội đồng trọng tài không yêu cầu các bên cung cấp bản dịch theo Điều 23 khoản 3 Quy tắc VIAC. Từ đó, Công ty C2 cho rằng Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng về ngôn ngữ trọng tài theo thỏa thuận giữa các bên và quy định tại Điều 10 Luật Trọng tài thương mại, Điều 23 Quy tắc VIAC. Tuy nhiên Điều 10 Luật Trọng tài thương mại quy định như sau: “1. Đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt, trừ trường hợp tranh chấp mà ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp bên tranh chấp không sử dụng được tiếng Việt thì được chọn người phiên dịch ra tiếng Việt. Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, tranh chấp mà ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài do Hội đồng trọng tài quyết định”. Do đó, việc Hội đồng trọng tài quyết định ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt. Đối với các tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài thì Hội đồng Trọng tài không yêu cầu các bên cung cấp bản dịch theo Điều 23 khoản 3 Quy tắc VIAC là phù hợp với quy định.

5. Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập chứng cứ

Thực tế, Công ty N2 đã nộp đơn khởi kiện ngày 17/6/2022 và được Trung tâm trọng tài thụ lý giải quyết theo đúng trình tự thủ tục. Theo đó, nguyên đơn có yêu cầu “Buộc Bị đơn thanh toán số tiền mua hàng trong Các Hợp đồng mua bán hàng hóa tạm tính là: 2,508,329.20USD và 464,740.38 EURO (bằng chữ:

hai triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, ba trăm hai mươi chín và hai mươi xu đô la Mỹ và bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi và ba mươi tám xu Euro) và yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm trả phát sinh tạm tính đến ngày 06/6/2022 từ số tiền mua hàng chưa được bị đơn thanh toán là: 67,484.12USD và 13,257.32 EURO (bằng chữ: sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi bốn và mười hai xu đô la Mỹ và mười ba nghìn, hai trăm năm mươi bảy và ba mươi hai Euro)”. Theo đó, yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm trả phát sinh tạm tính đến ngày 06/6/2022. Theo văn bản số 707/VIAC-HCM đề ngày 27/4/2023 về việc Hội đồng trọng tài quyết định tổ chức lại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp số G. Do đó, khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán lãi thì cũng nhìn thấy rằng ngày mở phiên họp là chưa xác định rõ, cũng không phải ngày ấn định chính xác, nên nguyên đơn chỉ thực hiện yêu cầu tạm tính đến ngày 06/6/2022. Sau khi Hội đồng trọng tài ra quyết định mở phiên họp có ngày ấn định cụ thể thì nguyên đơn có cập nhật ngày tính lãi suất là hoàn toàn phù hợp. Đồng thời, theo Khoản 2 Điều 35 và Khoản 3 Điều 36 Luật Trọng tài thương mại có quy định như sau: “Đối với vụ tranh chấp được giải quyết tại Trung tâm trọng tài, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài không có quy định khác, thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, bị đơn phải gửi cho Trung tâm trọng tài bản tự bảo vệ. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, thời hạn này có thể được Trung tâm trọng tài gia hạn căn cứ vào tình tiết cụ thể của vụ việc” và “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiện lại, nguyên đơn phải gửi bản tự bảo vệ cho Trung tâm trọng tài. Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài vụ việc, nguyên đơn phải gửi bản tự bảo vệ cho Hội đồng trọng tài và bị đơn”. Rõ ràng, trong 02 Điều luật nêu trên, không có bất kỳ định nghĩa nào cho thấy việc nguyên đơn cập nhật ngày tính lãi suất thì bị đơn sẽ được tính thời hạn 30 ngày theo như các lập luận Công ty C2 nêu tại A.6 trong Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài Vụ tranh chấp số 73/22 HCM ngày 23/11/2023 của Trung tâm T1. Do đó, cách tính thời hạn để nộp đơn kiện lại của Công ty C2 hoàn toàn không có cơ sở. Như vậy, Hội đồng trọng tài không chấp nhận xem xét Bản tự bảo vệ ngày 17/10/2022 (nội dung đề cập đến quyền chọn Trọng tài viên của bị đơn và Đơn kiện lại ngày 17/10/2022) là đúng quy định tại Điều 9 Quy tắc tố tụng trọng tài. Đồng thời, tại các ý mà Công ty C2 cho rằng V, Hội đồng trọng tài không kiểm tra và bỏ qua mọi sai sót về Đơn khởi kiện của Công ty N2 do ông Trần Quang T ký tên. Rõ ràng, tại những điểm phản đối về thẩm quyền ký đơn khởi kiện, thẩm quyền tham gia vụ tranh chấp của ông Trần Quang T thì Công ty N2 cũng có ý kiến khẳng định ông Trần Quang T

hoàn toàn có đầy đủ quyền thực hiện các công việc theo nội dung ủy quyền mà Công ty N2 đã ký. Công ty N2 đã khẳng định tại điểm 1 phần I của phần trình bày này.

Công ty C2 cũng đã thực hiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Khiếu nại quyết định về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài vụ tranh chấp số 73/22 HCM theo biên nhận số 2425/GCN-TA và đã được Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh phản hồi về việc “Hội đồng Trọng tài có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ tranh chấp số G”.

7. Hội đồng trọng tài cố tình ghi nhận sai thông tin về ngày nhận đơn kiện lại của Công ty Nanogen

Theo thông tin tại mục 14, Phán quyết trọng tài 73/22 ghi nhận: “Ngày 18 tháng 10 năm 2022, VIAC nhận được Bản tự bảo vệ và Đơn kiện lại cùng đề ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Bị đơn”. Nhưng trong giấy giao nhận tài liệu ngày 17/10/2022. Thực tế, có thể do Hội đồng trọng tài có lỗi sai sót chính tả trong việc đánh máy văn bản. Dẫn đến có sự sai sót trong Phán quyết trọng tài. Không thể vì lý do lỗi chính tả mà Công ty C2 cho rằng VIAC hoàn toàn không muốn thụ lý Đơn kiện lại của Công ty C2. Do đó, không có căn cứ rõ ràng thể hiện VIAC hoàn toàn không muốn thụ lý Đơn kiện lại của Công ty C2 mặc cho Công ty C2 đã thực hiện đúng thời hạn do Hội đồng trọng tài ấn định.

8. Phán quyết trọng tài 73/22 trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam

- Phán quyết trọng tài 73/22 vi phạm nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại Điều 5 là "Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự". Khi phán quyết tuyên thì Phán quyết trọng tài nêu rõ về trách nhiệm của Công ty C2 phải trả cho Công ty N2 bao gồm số tiền hàng hóa N1 phải trả và tiền lãi suất chậm thanh toán. Tuy nhiên, sau khi phán quyết được tuyên thì Công ty C2 không thực hiện trách nhiệm thì Công ty C2 phải chịu trách nhiệm chậm trả trong việc thi hành án. Do đó, Việc Hội đồng trọng tài tuyên tại mục 107 và mục 108 hoàn toàn phù hợp với tinh thần pháp luật nêu tại Điều 357 BLDS năm 2015. Do đó, Công ty C2 cho rằng Phán quyết trọng tài 73/22 vi phạm nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại Điều 5 là "Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự" là hoàn toàn không có căn cứ và cơ sở.

- Phán quyết trọng tài 73/22 vi phạm nguyên tắc cơ bản của Luật Trọng tài thương mại tại khoản 3 Điều 4 là "Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Hội đồng trọng tài có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của mình": Công ty C2 cho rằng trong quá trình tiến hành tố tụng, V và Hội đồng trọng tài luôn thể hiện sự thiên vị đối với nguyên đơn, không tạo điều kiện, thậm chí là cản trở để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể như sau:

- “VIAC và Hội đồng trọng tài đã tạo điều kiện tối đa để Nguyên đơn Hợp thức hóa đơn khởi kiện không hợp lệ... để không chấp nhận việc chọn Trọng tài viên của Bị đơn, không thụ lý đơn kiện lại của Bị đơn theo trình bày tại A.1, A.2, A.3, A.6”. Trong Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thì Công ty C2 luôn khẳng định: “VIAC và Hội đồng trọng tài thiên vị, không tạo điều kiện và cản trở để Bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình”. Tuy nhiên, Công ty N2 nhận thấy rằng không có bất cứ quy định nào trong Luật định nghĩa về thiên vị.

Đồng thời, tại A.1, A.2, A.3, Công ty N2 cũng nêu rất rõ về việc Công ty C2 đã không thực hiện quyền chọn Trọng tài viên trong thời hạn quy định. Sau đó, quá thời hạn thực hiện quyền, Công ty C2 lại cho rằng VIAC và Hội đồng trọng tài luôn thể hiện sự thiên vị đối với nguyên đơn là không có căn cứ, không hợp lý theo quy định pháp luật.

Tại văn bản số 1689/VIAC-HCM, Hội đồng trọng tài xác định nguyên đơn khởi kiện bị đơn là phù hợp với Khoản 5 Điều 43 Luật Trọng tài thương mại. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội thỏa thuận, lựa chọn một tổ chức trọng tài cụ thể, Hội đồng trọng tài dành cho các bên thời hạn 15 ngày kể từ ngày của Thông báo này để các bên thỏa thuận lựa chọn một tổ chức trọng tài và Hội đồng trọng tài sẽ tôn trọng sự thỏa thuận giữa các bên nếu các bên thỏa thuận. Rõ ràng, theo văn bản này, cũng xác định rõ ràng Hội đồng trọng tài đã tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Như vậy, Công ty C2 hoàn toàn không có bất kỳ cơ sở nào để khẳng định được rằng Phán quyết trọng tài 73/22 đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của Luật Trọng tài thương mại tại Khoản 3, Điều 4 là “Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Hội đồng trọng tài có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình”.

9. Phán quyết Trọng tài 73/22 của Hội đồng trọng tài và VIAC có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật Việt Nam

Ngày 28/6/2022, VIAC gửi đến Công ty N2 văn bản số 1188/VIAC-HCM về việc thực hiện nộp phí trọng tài được quy định tại Điều 35 Quy tắc của Trung tâm. Theo đó, tổng giá trị tranh chấp nguyên đơn yêu cầu bao gồm tiền Hàng hóa đã giao và lãi suất chậm thanh toán là 2.575.813,32 USD và 477.997,67

EUR. Căn cứ vào Biểu phí trọng tài và Điều 35 Quy tắc Tổ tụng trọng tài thì phí trọng tài được xác định là 55.866,62 USD (tương đương 1,290,518,841 VNĐ tính theo tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại cổ phần N5 ngày 17/6/2022 là 21,100 VNĐ/USD và 24,097.62 VNĐ/EUR). Số phí trọng tài sau khi được giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội là 55.301,00 USD (Tương đương 1,277,614,000 VNĐ). Đồng thời thỏa quy định tại Biểu phí trọng tài: “Trị giá vụ tranh chấp bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N5 (V1) tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại”. Như vậy, việc Công ty C2 cho rằng Phán quyết trọng tài 73/22 đã có nội dung vi phạm pháp luật trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là hoàn toàn không có cơ sở.

Do đó, Công ty N2 đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và không hủy Phán quyết trọng tài Vụ tranh chấp số 73/22 ngày 23/11/2023 của Trung tâm T1.

Tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các lý do mà Công ty C2 đưa ra để hủy Phán quyết trọng tài là không có cơ sở. Riêng đối với lý do vi phạm về ngôn ngữ trọng tài, xét thấy hội đồng trọng tài có vi phạm nhưng các bên không phản đối nên mất quyền phản đối. Đối với lý do tính lãi suất thì thuộc về nội dung nên không xét. Căn cứ vào quy định tại Điều 68, khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Không chấp nhận yêu cầu của Công ty C2 về việc hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số V ngày 23/11/2023 của V.

XÉT THẤY:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 31, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm o Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu:* Ngày 23/11/2023 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số G. Ngày 19/12/2023, Công ty C2 nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[3] *Về nội dung:* Xét người yêu cầu của Công ty C2 đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 73/22 HCM ngày 23/11/2023 vì cho rằng: Phán quyết này trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và vi phạm tố tụng trọng tài. Đây là những vấn đề cần xem xét.

[3.1] Xét thấy: Đối với lý do yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài vi phạm về thẩm quyền trọng tài:

Xét Công ty C2 đã thực hiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Khiếu nại quyết định về thẩm quyền của Hội G” theo biên nhận số 2425/GCN-TA và đã được Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh phản hồi về việc “Hội đồng Trọng tài có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ tranh chấp số G”. Do đó, vấn đề này Hội đồng xét đơn không xem xét nữa.

[3.2] Đối với lý do yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài vi phạm về VIAC vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thụ lý đơn khởi kiện

Xét Công ty N2 chỉ định ông Trần Quang T làm đại diện theo ủy quyền của Công ty N2 là không hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ tranh chấp với Công ty C2. Do đó, VIAC thụ lý Đơn khởi kiện ngày 17/6/2023 của Công ty N2 do ông Trần Quang T ký với tư cách đại diện theo ủy quyền là trái quy định tại Điều 30 Luật Trọng tài thương mại và Điều 7 Quy tắc VIAC. Nhận thấy ngày 25/4/2022, Công ty N2 có Quyết định bổ nhiệm ủy quyền ông Chatchai P là giám đốc điều hành của Công ty làm đại diện theo ủy quyền của Công ty N2 liên quan đến tranh chấp với Công ty C2. Ông C được quyền ủy quyền lại cho người khác. Sau đó, Công ty N2 có giấy ủy quyền để ủy quyền lại cho ông Trần Quang T để làm đại diện theo ủy quyền để thay mặt và đại diện cho Công ty N2 trong vụ tranh chấp với Công ty C2. Việc ủy quyền trên được Hợp pháp hóa lãnh sự vào

ngày 26/4/2022 tại Đ3 tại Thái Lan. Do đó, ông T đã được ủy quyền hợp lệ để đại diện Công ty N2 thực hiện các thủ tục khởi kiện tại trọng tài là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Xét lý do Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về tổng đạt các văn bản có liên quan cho Công ty C2:

Xét Công ty C2 cho rằng VIAC không tuân thủ thời hạn gửi thông báo đơn kiện quy định tại Điều 8 quy tắc: “trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn kiện, thỏa thuận trọng tài, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài theo quy định tại Điều 35 của Quy tắc này, Trung tâm gửi tới Bị đơn thông báo, đơn kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan”. Ngày 28/6/2022 V yêu cầu Công ty N2 nộp phí, Công ty N2 nộp phí vào ngày 11/7/2022. Ngày 14/7/2022, V gửi thông báo đơn khởi kiện cho Công ty C2 là phù hợp với thời hạn quy định tại Điều 8 của Quy tắc.

[3.4] Xét lý do Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thành lập Hội đồng trọng tài, làm mất quyền chọn Trọng tài viên của Công ty C2:

Xét thấy: Hội đồng trọng tài đã thông báo cho Công ty C2 chọn trọng tài viên nhưng Công ty C2 không chọn trong thời hạn quy định nên buộc Trung tâm trọng tài phải chỉ định trọng tài viên. Sau khi Hội đồng trọng tài được thành lập thì Công ty C2 mới có văn bản gửi trung tâm trọng tài và chỉ định ông Nguyễn Mạnh D là trọng tài viên giải quyết nhưng việc chỉ định trên đã quá thời hạn quy định nên không được Trung tâm trọng tài chấp nhận là phù hợp.

[3.5] Xét lý do Hội đồng trọng tài vi phạm về giải quyết đơn kiện lại của Công ty C2, không cho Công ty C2 có quyền nộp đơn kiện lại.

Xét thấy: Bị đơn có quyền kiện lại nguyên đơn về những vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp, đơn kiện lại phải gửi cho Hội đồng trọng tài và nguyên đơn. Đơn kiện lại phải được nộp cùng thời điểm nộp bản tự bảo vệ. Theo Điều 35 Luật Trọng tài thương mại thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, bị đơn phải gửi cho Trung tâm trọng tài bản tự bảo vệ và đơn kiện lại. Ngày 15/7/2022, Công ty C2 nhận được Đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2022 của Công ty N2 và các tài liệu kèm theo. Ngày 17/10/2022, Công ty C2 mới có đơn kiện lại đối với Công ty N2 là đã hết thời hạn theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Trọng tài thương mại nên Hội đồng trọng tài không xem xét thụ lý đơn kiện lại của Công ty C2 là phù hợp với quy định của Luật Trọng tài thương mại.

[3.6] Lý do hủy phán quyết trọng tài vì vượt quá thẩm quyền:

Đối với yêu cầu này, nhận thấy tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2022 Công ty N2 yêu cầu trọng tài buộc Công ty C2 thanh toán tiền hàng tạm tính là 2.508.329,20USD và 464.740,38 EURO và tiền lãi chậm trả tạm tính là 67.484,12 USD và 13.257,32 EUR. Tại Đơn yêu cầu bổ sung tiền lãi đề ngày 15/5/2023, Công ty N2 sửa đổi yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 31/12/2021 đến ngày 18/5/2023 theo đó số tiền lãi trên số nợ bằng USD là 329.870,76 USD và tiền lãi trên số nợ bằng EUR là 61.116,54 EUR. Do đó, tại phán quyết trọng tài đã xác định thời gian tính lãi đến ngày 18/5/2023 là phù hợp với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

[3.7] Lý do Phán quyết Trọng tài có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật Việt Nam là thu phí trọng tài bằng ngoại tệ là trái với quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là trái với Pháp lệnh ngoại hối năm 2005.

Xét thấy: Hợp đồng giữa Công ty N2 (doanh nghiệp T2 và Công ty C2 (doanh nghiệp Việt Nam) đã thỏa thuận thanh toán bằng tiền USD và tiền EUR. Khi xảy ra tranh chấp, Công ty N2 khởi kiện tại trọng tài nên Trung tâm trọng tài yêu cầu nguyên đơn phải nộp lệ phí trọng tài bằng ngoại tệ là phù hợp, không trái với quy định của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005. Do Công ty N2 thắng kiện nên Trung tâm trọng tài buộc Công ty C2 phải hoàn trả lại phí trọng tài mà Công ty N2 đã nộp bằng ngoại tệ là phù hợp do Công ty N2 có trụ sở tại Thái Lan, không phải là doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam thì không thể quy đổi ra tiền Việt như ý kiến của Công ty C2. Do đó, lý do này của Công ty C2 nêu ra không có căn cứ để chấp nhận.

[3.8] Xét lý do Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về ngôn ngữ trọng tài. Trong suốt quá trình giải quyết vụ tranh chấp, cũng như tại Phán quyết trọng tài đều thể hiện “ngôn ngữ trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt”. Do đó, Hội đồng trọng tài sử dụng các tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài để giải quyết vụ án trong phán quyết trọng tài, là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về ngôn ngữ trọng tài theo thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 10 Luật Trọng tài thương mại, Điều 23 Quy tắc VIAC. Cụ thể, Hội đồng trọng tài không yêu cầu các bên cung cấp bản dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Trọng tài thương mại và Điều 19 Quy tắc VIAC.

[3.9] Xét lý do Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Tại đoạn 98 phần F.2 – Về tiền lãi chậm trả của Phán quyết 73/22, Hội đồng Trọng tài đã áp dụng quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005 để tính mức lãi suất chậm trả. Theo quy định trên, Hội đồng Trọng tài phải có nghĩa

vụ thu thập lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán để xác định mức lãi suất chậm trả. Nhưng Hội đồng Trọng tài lại căn cứ vào báo cáo không chính thức của Ngân hàng N3 để xác định mức lãi suất làm căn cứ tính lãi suất nợ quá hạn tại đoạn 99 phần F.2 của Phán quyết 73/22 như sau: “Thực tế, trong công bố về diễn biến lãi suất của tổ chức tín dụng đối với khách hàng tháng 9/2023, Ngân hàng N3 có nêu: “Lãi suất cho vay USD bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 4,4 – 5,5% năm đối với ngắn hạn; 5,8-7,8%/năm đối với trung và dài hạn”. Do đó, Hội đồng trọng tài có cơ sở để sử dụng mức lãi suất chậm trả đối với tiền USD là 5,8%/năm x 150% (vì nợ đã quá hạn) = 8,7%/năm để tính lãi chậm trả. Vận dụng tương tự, Hội đồng Trọng tài cũng sử dụng mức lãi suất này cho tiền hàng tính bằng đồng Euro.”. Với cách thu thập chứng cứ, dựa vào nguồn chứng cứ không chính thức như vậy là vi phạm tố tụng trọng tài. Bên cạnh đó, lãi suất nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại đối với USD và EURO là khác nhau, vì vậy, tại đoạn 99 phần F.2 của Phán quyết 73/22, Hội đồng trọng tài áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn của USD để áp dụng tương tự cho EURO là hoàn toàn trái quy định của Luật Thương mại, vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về nguyên tắc bình đẳng giữa các bên được quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy yêu cầu của Công ty C2 yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số V ngày 23/11/2023 của V là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận) yêu cầu về việc hủy phán quyết trọng tài, đề nghị không phù hợp với nhận định của hội đồng xét đơn nên không được ghi nhận.

[5] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của của Công ty Cổ phần C2. Hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 73/22 HCM ngày 23/11/2023 của Trung tâm T1 bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam – V.

[6] Về lệ phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, Công ty N2 không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điều a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 43, Điều 68, Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần C2. Hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 73/22 HCM ngày 23/11/2023 của Trung tâm T1 bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam – V.

2. Công ty Cổ phần C2 không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 03/5/2024. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Hội đồng trọng tài;
- Các bên đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Nguyễn Thị Thùy Dung